

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

*Hà Nội - Tháng 03 năm 2015*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán Hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả kinh doanh Hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền Hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất	9 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 07 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 7 năm 2014, với mã số doanh nghiệp là 0102556300.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: EFI., JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Lã Thị Vân Anh	Chủ tịch từ nhiệm ngày 26/02/2015
	Ông Huỳnh Bá Vân	Phó Chủ tịch bổ nhiệm ngày 26/4/2014
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên bổ nhiệm ngày 26/4/2014

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Huỳnh Bá Vân	Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/7/2014
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc
	Bà Lã Thị Vân Anh	Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/7/2014

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính Hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

---

**Huỳnh Bá Vân**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015*

Số.

/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, được lập ngày 03/3/2015, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán Hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

---

**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015*

---

**Trần Thị Hương Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>70.858.927.712</b>	<b>65.763.842.262</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>18.630.576.092</b>	<b>34.929.304.041</b>
1. Tiền	111		2.150.576.092	2.248.620.284
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.480.000.000	32.680.683.757
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>45.414.507.821</b>	<b>20.063.364.986</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		45.953.121.322	20.258.258.407
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(538.613.501)	(194.893.421)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.611.140.922</b>	<b>10.549.825.231</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.059.829.691	3.855.356.274
2. Trả trước cho người bán	132		14.342.492	26.892.052
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	3.784.095.462	7.815.524.564
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.247.126.723)	(1.147.947.659)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>202.702.877</b>	<b>221.348.004</b>
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	140.702.877	141.776.004
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	62.000.000	79.572.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>87.758.058.828</b>	<b>88.934.106.018</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.609.182</b>	<b>164.988.462</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	85.609.182	158.988.462
- Nguyên giá	222		587.034.280	587.034.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(501.425.098)	(428.045.818)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	6.000.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(54.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>29.216.754.000</b>	<b>29.216.754.000</b>
1. Nguyên giá	241		29.216.754.000	29.216.754.000
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>58.363.324.999</b>	<b>59.515.553.696</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		45.363.324.999	46.515.553.696
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>92.370.647</b>	<b>36.809.860</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	92.370.647	36.809.860
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>158.616.986.540</b>	<b>154.697.948.280</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.287.345.122</b>	<b>2.028.154.520</b>
(300 = 310+330)				
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.257.345.122</b>	<b>1.998.154.520</b>
2. Phải trả người bán	312		422.596.449	467.242.649
3. Người mua trả tiền trước	313		35.000.000	10.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	175.228.090	185.458.528
5. Phải trả người lao động	315		383.477.716	279.195.055
7. Phải trả nội bộ	317		-	319.633.324
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	104.315.344	203.074.533
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		136.727.523	533.550.431
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>157.329.641.418</b>	<b>152.669.793.760</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>157.329.641.418</b>	<b>152.669.793.760</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.884.891.294	22.884.891.294
4. Cổ phiếu quỹ	414		(16.887.238.217)	(16.887.238.217)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.504.824.788	2.211.478.243
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.606.859.014	2.313.512.469
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		21.628.797	803.049.253
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.941.675.742	7.087.100.718
<b>C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>158.616.986.540</b>	<b>154.697.948.280</b>
(440 = 300+400)	<b>440</b>			

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Huỳnh Bá Vân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	11.759.937.676	11.919.118.246
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		11.759.937.676	11.919.118.246
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	9.437.902.184	7.791.948.085
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.322.035.492</b>	<b>4.127.170.161</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	7.488.439.795	5.492.756.756
7. Chi phí tài chính	22	5.17	614.533.156	282.571.671
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		305.556	4.556.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.992.359.407	2.122.411.301
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>7.203.582.724</b>	<b>7.214.943.945</b>
11. Thu nhập khác	31	5.18	56.870.952	-
12. Chi phí khác	32	5.18	12.000	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>56.858.952</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.260.441.676</b>	<b>7.214.943.945</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	973.370.720	1.348.013.051
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>6.287.070.956</b>	<b>5.866.930.894</b>
<b>19 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>6.287.070.956</b>	<b>5.866.930.894</b>
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	578	541

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Huỳnh Bá Văn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.260.441.676	7.214.943.945
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	79.379.280	98.039.507
- Các khoản dự phòng	03	343.720.080	250.209.064
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.218.836.511)	(5.492.756.756)
- Chi phí lãi vay	06	1.209.792	4.556.111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	465.914.317	2.074.991.871
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.765.546.103	(3.685.722.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.564.013.055)	(70.039.080)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(55.560.787)	10.411.330
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.209.792)	(4.556.111)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(952.035.296)	(1.922.260.118)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(949.217.344)	(342.888.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	709.424.146	(3.940.063.432)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.300.000.000)	(6.948.778.111)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.076.811.394	42.146.512.253
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(32.668.791.482)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.903.476.303
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.218.836.511	5.492.756.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.004.352.095)	10.925.175.719
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	909.600.000	3.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(909.600.000)	(3.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.800.000)	(8.703.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.800.000)	(8.703.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(16.298.727.949)	(1.718.725.713)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.929.304.041	36.648.029.754
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	18.630.576.092	34.929.304.041

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015  
 Giám đốc

Lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Huỳnh Bá Văn

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 07 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 7 năm 2014, với mã số doanh nghiệp là 0102556300.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: EFI., JSC.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	11,4%
Các cổ đông khác	120.317.000	120.317.000.000	89,6%
<b>Cộng</b>	<b>13.425.700</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>100%</b>

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### **Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;

Tỉ lệ kiểm soát : 100%;

Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và súc tiến thương mại.

Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 chủ yếu là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán, đầu tư bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính Hợp nhất**

Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty con, do đó không phát sinh Lợi ích cổ đông thiểu số.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

**Năm 2014**  
**(số năm)**

Phương tiện vận tải truyền dẫn

08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam

**Các khoản đầu tư tài chính khác**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	287.289.499	311.100.036
Tiền gửi ngân hàng	1.863.286.593	1.937.520.248
Các khoản tương đương tiền	16.480.000.000	32.680.683.757
<b>Tổng</b>	<b>18.630.576.092</b>	<b>34.929.304.041</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng đến cuối kỳ.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư chứng khoán	15.502.921.322	7.827.658.407
Cho vay vốn ngắn hạn	10.250.200.000	2.430.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng)	20.200.000.000	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(538.613.501)	(194.893.421)
<b>Tổng</b>	<b>45.414.507.821</b>	<b>20.063.364.986</b>



**Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	12/31/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	1.034.789	11.925.973.186	546.989	5.575.444.476
Công ty cổ phần Licogi (LIG)	29.000	340.983.906	29.000	340.983.906
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	85.000	776.162.500	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PVS)	15.000	519.871.600	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Đà Nẵng (DAD)	2.000	31.046.500	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản HUDLAND (HLD)	19.500	352.903.200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Văn Lang (VLA)	41.200	465.947.875	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	84.000	1.062.911.000	-	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	-	-	227.100	1.783.317.510
Công ty Cổ phần Cavico Việt nam Khai thác mỏ và Xây dựng (MCV)	4.000	26.880.400	4.000	26.880.400
Các loại cổ phiếu khác	20	241.155	18.620	101.032.115
<b>Tổng</b>		<b>15.502.921.322</b>		<b>7.827.658.407</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(194.893.421)		(194.893.421)
<b>Tổng</b>		<b>15.308.027.901</b>		<b>7.632.764.986</b>

**Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản Giáo dục	375.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	8.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	-	1.329.000.000
Các cá nhân khác	175.200.000	201.600.000
<b>Tổng</b>	<b>10.250.200.000</b>	<b>2.430.600.000</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu hợp tác đầu tư (*)	3.234.150.000	7.014.150.000
Lãi tiền gửi Ngân hàng dự thu	436.269.444	-
Phí quản lý văn phòng	33.144.000	1.448.422
Dự án cầu giấy	75.000.000	75.000.000
BHXH nộp quá	993.066	693.219.120
Các khoản phải thu khác	4.538.952	31.707.022
<b>Tổng</b>	<b>3.784.095.462</b>	<b>7.815.524.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG .

**5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	33.011.532	2.307.376
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	104.691.345	139.468.628
Các khoản khác phải thu Nhà nước	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>140.702.877</b>	<b>141.776.004</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	12.000.000	39.572.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>	<b>62.000.000</b>	<b>79.572.000</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Tổng</b>
<i>Đơn vị: VND</i>		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 31/12/2014	587.034.280	587.034.280
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	428.045.818	428.045.818
Tăng trong năm	73.379.280	73.379.280
Khấu hao trong năm	73.379.280	73.379.280
Số dư tại 31/12/2014	501.425.098	501.425.098
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	158.988.462	158.988.462
Tại 31/12/2014	85.609.182	85.609.182

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
Tăng trong năm	<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
Khấu hao trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Số dư tại 31/12/2014	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
Tại 31/12/2014	-	-

#### 5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

#### 5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<b>12/31/2014</b>		<b>01/01/2014</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	-	<b>13.000.000.000</b>		<b>13.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>427.425</b>	<b>45.363.324.999</b>	<b>427.425</b>	<b>46.515.553.696</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Bell torta	32.425	388.525.000	32.425	388.525.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	-	-	1.152.228.697
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	41.024.799.999	-	41.024.799.999
<b>Tổng</b>		<b>58.363.324.999</b>		<b>59.515.553.696</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>58.363.324.999</b>	<b>-</b>	<b>59.515.553.696</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày đầu năm	36.809.860	47.221.190
Tăng	117.440.237	25.650.309
Phân bổ vào chi phí	61.879.450	36.061.639
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>92.370.647</b>	<b>36.809.860</b>
	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi tiết chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ	92.370.647	36.809.860
<b>Tổng</b>	<b>92.370.647</b>	<b>36.809.860</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	132.797.222	177.398.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.430.868	8.059.613
<b>Tổng</b>	<b>175.228.090</b>	<b>185.458.528</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	21.595.084	31.874.464
Bảo hiểm xã hội,	-	103.249.069
Bảo hiểm y tế	4.002.375	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	78.717.885	67.951.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.020.000</i>	<i>9.020.000</i>
<i>Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần IP</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>10.766.885</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>104.315.344</b>	<b>203.074.533</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(17.802.679.500)</b>	<b>1.626.209.416</b>	<b>1.728.243.642</b>	<b>608.980.417</b>	<b>12.265.245.132</b>	<b>155.517.331.684</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>50.558.717</b>	-	<b>585.268.827</b>	<b>585.268.827</b>	<b>585.268.827</b>	<b>5.866.930.894</b>	<b>7.673.296.092</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	5.866.930.894	5.866.930.894
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	-	1.755.806.481
Tăng khác	-	50.558.717	-	-	-	-	-	50.558.717
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>(915.441.283)</b>	-	-	<b>391.199.991</b>	<b>11.045.075.308</b>	<b>10.520.834.016</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.341.075.308	2.341.075.308
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	248.977.778	-	248.977.778
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.704.000.000	8.704.000.000
Giảm khác	-	-	(915.441.283)	-	-	142.222.213	-	(773.219.070)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.884.891.294</b>	<b>(16.887.238.217)</b>	<b>2.211.478.243</b>	<b>2.313.512.469</b>	<b>803.049.253</b>	<b>7.087.100.718</b>	<b>152.669.793.760</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.884.891.294</b>	<b>(16.887.238.217)</b>	<b>2.211.478.243</b>	<b>2.313.512.469</b>	<b>803.049.253</b>	<b>7.087.100.718</b>	<b>152.669.793.760</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	<b>293.346.545</b>	<b>293.346.545</b>	<b>293.346.545</b>	<b>6.287.070.956</b>	<b>7.167.110.591</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	293.346.545	293.346.545	293.346.545	-	880.039.635
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	6.287.070.956	6.287.070.956
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>1.026.767.001</b>	<b>1.432.495.932</b>	<b>2.459.262.933</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.173.386.180	1.173.386.180
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	3.800.000	3.800.000
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	1.026.767.001	-	1.026.767.001
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	255.309.752	255.309.752
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.884.891.294</b>	<b>(16.887.238.217)</b>	<b>2.504.824.788</b>	<b>2.606.859.014</b>	<b>69.628.797</b>	<b>11.941.675.742</b>	<b>157.377.641.418</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
Cổ đông khác	120.317.000.000	120.317.000.000
<b>Tổng</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>134.257.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.800.000</b>	<b>8.704.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>12/31/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>2.545.700</b>	<b>2.545.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.545.700	2.545.700
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.759.937.676	11.919.118.246
<b>Tổng</b>	<b>11.759.937.676</b>	<b>11.919.118.246</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.437.902.184	7.791.948.085
<b>Tổng</b>	<b>9.437.902.184</b>	<b>7.791.948.085</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.068.309.807	4.088.450.906
Lãi đầu tư cổ phiếu	619.899.688	139.318.350
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.800.230.300	1.264.987.500
<b>Tổng</b>	<b>7.488.439.795</b>	<b>5.492.756.756</b>

**5.17 Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.209.792	4.556.111
Lỗ đầu tư cổ phiếu	269.603.284	1.026.993.160
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	343.720.080	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(748.977.600)
<b>Tổng</b>	<b>614.533.156</b>	<b>282.571.671</b>

**5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>	-	-
Thu nhập khác	56.870.952	-
<b>Tổng</b>	<b>56.870.952</b>	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>12.000</b>	-
Chi phí khác	12.000	-
<b>Tổng</b>	<b>12.000</b>	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>56.858.952</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.260.441.676</b>	<b>7.214.943.945</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	12.000	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	2.800.230.300	1.264.987.500
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>4.460.223.376</b>	<b>5.949.956.445</b>
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 25% trong 6 tháng đầu năm	-	3.090.875.222
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 20% trong 6 tháng cuối năm	-	2.859.081.223
Thuế suất áp dụng	22%, 20%	25%
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>973.370.720</b>	<b>1.348.013.051</b>

**5.20 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>6.287.070.956</b>	<b>5.866.930.894</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>6.287.070.956</b>	<b>5.866.930.894</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.880.000	10.836.142
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>578</b>	<b>541</b>

**5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	469.497.049	103.703.431
Chi phí nhân công	4.894.388.723	3.373.154.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.507.597	98.039.507
Thuế phí và lệ phí	119.755.276	172.135.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.124.629.090	4.802.179.441
Chi phí khác bằng tiền	731.972.407	1.365.146.901
<b>Tổng</b>	<b>11.420.750.142</b>	<b>9.914.359.386</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.



**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
Hội đồng Quản trị	Thù lao Hội đồng Quản trị	340.300.000	248.977.778
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương cho thành viên HDQT và Ban điều hành	1.421.205.611	1.218.479.154

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Giao dịch với các bên liên quan khác: Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho vay vốn*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b><u>Cung cấp dịch vụ</u></b>	<b>8.874.726.608</b>	<b>9.741.651.419</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.805.815.198	6.797.821.981
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	721.454.545	617.295.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.128.860.727	1.852.500.000
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	-	137.375.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	11.732.955	-
Công ty Cổ phần Sách Dịch và từ điển Giáo dục	26.057.476	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	180.805.706	336.658.984
<b><u>Cho vay vốn</u></b>	<b>9.175.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	8.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	375.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	-	2.000.000.000

*Phải thu về gốc vay, lãi vay, cổ tức và tiền cung cấp dịch vụ*

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.669.400.567	2.553.628.004
NHà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	64.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang	41.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội	375.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	112.500.000	14.882.954
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	25.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.241.746.800	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	-	1.329.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.465.347.367</b>	<b>3.961.510.958</b>

### 6.3 Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

#### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	12/31/2014	1/1/2014
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.630.576.092	34.929.304.041
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.596.798.430	10.522.933.179
Đầu tư ngắn hạn	45.414.507.821	20.063.364.986
Đầu tư dài hạn	58.363.324.999	59.515.553.696
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.005.207.342</b>	<b>125.031.155.902</b>

Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	12/31/2014	1/1/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	526.911.793	670.317.182
Chi phí phải trả	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>526.911.793</b>	<b>670.317.182</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	526.911.793	-	526.911.793

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>1/1/2014</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	670.317.182	-	670.317.182

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và tương đương tiền	18.630.576.092	-	18.630.576.092
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.596.798.430	-	6.596.798.430
Đầu tư ngắn hạn	45.414.507.821	-	45.414.507.821
Đầu tư dài hạn	-	58.363.324.999	58.363.324.999

<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và tương đương tiền	34.929.304.041	-	90.101.851.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.522.933.179	-	10.522.933.179
Đầu tư ngắn hạn	20.063.364.986	-	20.063.364.986
Đầu tư dài hạn	-	59.515.553.696	59.515.553.696

#### **6.4 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**Lập biểu**

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015*  
**Giám đốc**

**Bùi Văn Dũng**

**Bùi Văn Dũng**

**Huỳnh Bá Vân**